

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 2581/2025/TVF

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH TRE VIỆT GROUP

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại:

E-mail:

Mã số doanh nghiệp: 0315839920

II. Thông tin về sản phẩm

Tên sản phẩm: **BỘT WHEY TÁCH DẠM VERSILAC**

Thành phần: 100% chất chiết xuất từ sản phẩm sữa.

Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng. Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên nhãn chính.

Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 1kg... Quy cách đóng gói khác theo yêu cầu khách hàng và thị trường.

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng bao PE hoặc PP. Bao bì sử dụng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.

Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất thực phẩm:

Tên: Proliant Dairy Ingredients

Địa chỉ: Melrose, MN56352, Mỹ.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (xem bản đính kèm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo: QCVN 5-2: 2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa dạng bột và theo tiêu chuẩn nhà sản xuất. Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.HCM, ngày 22 tháng 9 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)



Trần Cẩm Lộc



NHÃN PHỤ

Tên sản phẩm: BỘT WHEY TÁCH ĐẠM VERSILAC

Thành phần: 100% chất chiết xuất từ sản phẩm sữa.

Khối lượng tịnh: 1kg / túi

Thời hạn sử dụng: 18 tháng. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem trên nhãn chính của sản phẩm

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng làm nguyên liệu trọng chế biến thực phẩm. Tùy từng sản phẩm cụ thể để có liều lượng thích hợp.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25 độ C, độ ẩm dưới 65% và môi trường không mùi.

Xuất xứ: Mỹ

Sản xuất bởi: Proliant Dairy Ingredients

Địa chỉ: Melrose, MN56352, USA

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm sản phẩm:

Công ty TNHH BlueTech Ingredients

Địa chỉ: 112 Đường D, Khu đô thị Lakeview City, Phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh Việt Nam

Được đóng gói bởi: Công ty TNHH Central Vina

Địa chỉ: Số 26 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tích Sơn, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Thông tin cảnh báo/ an toàn: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

SỐ TCB: 2581/2025/TVF

Tên sản phẩm: BỘT WHEY TÁCH ĐẠM VERSILAC

Thành phần: 100% chất chiết xuất từ sản phẩm sữa.

Khối lượng tịnh: ... kg/ túi

Thời hạn sử dụng: 18 tháng. Ngày sản xuất và hạn sử dụng: xem trên nhãn chính của sản phẩm

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng làm nguyên liệu trọng chế biến thực phẩm. Tùy từng sản phẩm cụ thể để có liều lượng thích hợp.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25 độ C, độ ẩm dưới 65% và môi trường không mùi.

Xuất xứ: Mỹ

Sản xuất bởi: Proliant Dairy Ingredients

Địa chỉ: Melrose, MN56352, USA

Thương nhân nhập khẩu và chịu trách nhiệm sản phẩm:

Công ty TNHH BlueTech Ingredients

Địa chỉ: 112 Đường D, Khu đô thị Lakeview City, Phường Bình Trưng, Tp. Hồ Chí Minh Việt Nam

Được đóng gói bởi: Công ty TNHH Central Vina

Địa chỉ: Số 26 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường Tích Sơn, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Thông tin cảnh báo/ an toàn: Không sử dụng sản phẩm hết hạn.

SỐ TCB: 2581/2025/TVF



NHÂN CHÍNH

BỘT WHEY TÁCH ĐẠM - VERSILAC

Được kinh doanh và chịu trách nhiệm về
sản phẩm bởi: **Công ty TNHH Tre Việt Group**
Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn
Thị Minh Khai, P. Bàn Cờ, Tp.HCM

Ngày sản xuất: 15/3/2025
Ngày đóng gói: 08/08/2025
Hạn sử dụng: 15/09/2026
Trọng lượng tịnh: 1kg

Xuất xứ: Mỹ



Thành phần:

100% chiết suất từ sản phẩm sữa

Hướng dẫn sử dụng:

Dùng làm nguyên liệu trong chế biến thực phẩm.
Tùy từng sản phẩm cụ thể để có liều lượng thích
hợp.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản ở nhiệt độ dưới 25 độ C, độ ẩm dưới 65%
và môi trường không mùi.

Thông tin cảnh báo:

Sản phẩm có chứa sữa. Không sử dụng khi hết
hạn.

Nhà sản xuất: Công ty Proliant Dairy

Địa chỉ: Metrose, MN56352, Mỹ

Nhà nhập khẩu:

Công ty TNHH BlueTech Ingredients

Địa chỉ: 112 Đường D, Khu đô thị Lakeview City, P. An Phú,
Tp.HCM

Được đóng gói bởi:

Công ty TNHH Central Vina

Địa chỉ sản xuất: Số 26 Đường Nguyễn Tất Thành, Phường
Tích Sơn, Thành Phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Số TCB: 2581/2025/TVF



HÌNH ẢNH SẢN PHẨM



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã kết quả: CV20259963-RV1 - Trang 1/2

CÔNG TY TNHH TRE VIỆT GROUP

Tầng 14, Tòa nhà HM Town, 412 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tên mẫu: BỘT WHEY TÁCH ĐẠM VERSILAC

Mã đơn hàng: TP10082025080175

Mã số mẫu: 2025009963-1

Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm

Ngày nhận mẫu: 12/08/2025

Thời gian thử nghiệm: 12/08/2025 - 27/08/2025

Ngày trả kết quả khách hàng: 27/08/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	Enterobacteriaceae (a)	cfu/g	ISO 21528-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
2	Listeria monocytogenes (a)	cfu/g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
3	Salmonella (a)	/25g	TCVN 10780-1:2017	Không phát hiện
4	Staphylococci dương tính với coagulase (a)	cfu/g	TCVN 4830-1:2005 (ISO 6888-1:2003)	Không phát hiện (LOD=10)
5	Staphylococcal enterotoxins (c)	/25g	CASE.NC.0082	Không phát hiện
6	Độ ẩm (a)	g/100g	EPR-TP2-0059	2.97
7	Đạm sữa (a)	%	EPR-TP2-0077	3.07
8	Arsen (As) (a)	mg/kg	AOAC 986.15	Không phát hiện (LOD=0.05)
9	Cadimi (Cd) (a)	mg/kg	AOAC OFFICIAL 999.11	0.0068
10	Chì (Pb) (a)	mg/kg	AOAC OFFICAL 999.11	Không phát hiện (LOD=0.008)
11	Thủy ngân (Hg) (a)	mg/kg	TCVN 7993:2009 (EN 13806:2002)	Không phát hiện (LOD=0.008)
12	Aflatoxin M1 (a)	µg/kg	EPR-TP2-0229 (Ref. ISO 14501:2007)	Không phát hiện (LOD=0.02)
13	Benzylpenicilin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=3)
14	Clotetracyclin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=20)
15	Dihydrostreptomycin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=50)

Ms.D.N:0316
CÔNG T
KH
CÓN
SẮ
TIỀN
TP.HỒ ĐỨC-T

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã kết quả: CV20259963-RV1 - Trang 2/2

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	Gentamycin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=50)
17	Oxytetracyclin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=20)
18	Procain Benzylpenicilin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=20)
19	Spiramycin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=20)
20	Streptomycin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=50)
21	Tetracyclin (a)	µg/kg	EPR-TP2-0286 (Ref AOAC 2007:01)	Không phát hiện (LOD=20)
22	Aldrin và dieldrin (a)	mg/kg	EPR-TP2-0289 Ref EN 15662:2017	Không phát hiện (LOD=0.005)
23	Cyfluthrin (a)	mg/kg	EPR-TP2-0289 Ref EN 15662:2017	Không phát hiện (LOD=0.005)
24	DDT (a)	mg/kg	EPR-TP2-0289 Ref EN 15662:2017	Không phát hiện (LOD=0.005)
25	Endosulfan (a)	mg/kg	EPR-TP2-0289 Ref EN 15662:2017	Không phát hiện (LOD=0.005)

Ghi chú:

LOD: giới hạn phát hiện của phương pháp

GIÁM ĐỐC KỸ THUẬT



Msc. NGUYỄN HUỖNH TUẤN ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



MBA. VÕ TRƯƠNG DUY

Ghi chú và giải thích:

- Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
- Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
- (a): Các phép thử được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017
- (c): Các phép thử được thực hiện bởi nhà thầu phụ